

Số: /TTr-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO**TỜ TRÌNH****Dự thảo Nghị định Quy định về người lao động
nước ngoài làm việc tại Việt Nam**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, thực hiện Công điện số 22/CD-TTg ngày 09/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về cắt giảm thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, trong đó giao Bộ Nội vụ “Nghiên cứu, đề xuất chính sách cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài theo hướng thông thoáng, thân thiện, cởi mở hơn, giảm thiểu thủ tục để thu hút các nhà đầu tư có năng lực, tài chính, các chuyên gia, người lao động có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, góp phần thúc đẩy thu hút, hợp tác đầu tư, phát triển kinh tế, khoa học và công nghệ và hội nhập quốc tế; báo cáo Chính phủ trong tháng 3 năm 2025” và Thông báo số 48/TB-VPCP ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ thông báo kết luận của Thường trực Chính phủ tại cuộc họp về chính sách miễn thị thực đơn phương và chính sách ưu đãi thị thực đối với một số đối tượng, trong đó giao các bộ, cơ quan ngang bộ đề xuất sửa đổi các quy định liên quan theo trình tự, thủ tục rút gọn, Bộ Nội vụ xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thay thế nội dung quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam quy định tại Nghị định số 152/2020/NĐ-CP và Nghị định số 70/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam), cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

- Công bố Kết luận của Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban Chính sách, chiến lược Trung ương ngày 24/2/2025, trong đó phân đấu trong năm 2025 giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trong đó có nhiệm vụ “Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”.

- Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 09/9/2021 của Ban Bí thư về thu hút, quản lý và sử dụng hiệu quả lao động nước ngoài tại Việt Nam để thống nhất thực hiện

chức năng quản lý nhà nước về lao động nước ngoài từ trung ương đến địa phương.

- Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó Chính phủ giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Thanh tra Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương “Sửa đổi một số quy định trong Luật Lao động để miễn giấy phép lao động cho các chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài trong các lĩnh vực ưu tiên phát triển của Việt Nam”.

- Công điện số 22/CD-TTg ngày 09/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về cắt giảm thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, trong đó giao Bộ Nội vụ nghiên cứu, đề xuất chính sách cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài theo hướng thông thoáng, thân thiện, cởi mở hơn, giảm thiểu thủ tục để thu hút các nhà đầu tư có năng lực, tài chính, các chuyên gia, người lao động có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, góp phần thúc đẩy thu hút, hợp tác đầu tư, phát triển kinh tế, khoa học và công nghệ và hội nhập quốc tế; báo cáo Chính phủ trong tháng 3 năm 2025; bảo đảm giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 30% chi phí kinh doanh (chi phí tuân thủ); bãi bỏ 30% điều kiện kinh doanh không cần thiết; thực hiện các thủ tục liên quan đến doanh nghiệp trên môi trường điện tử, bảo đảm thông suốt, liền mạch, hiệu quả.

2. Cơ sở thực tiễn

Kết quả thực hiện: Công tác quản lý lao động nước ngoài đã đáp ứng được tình hình thực tiễn ngày càng khó khăn, phức tạp trong quá trình hội nhập và quan hệ ngoại giao quốc tế, thông qua công tác quản lý và cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam đã đạt được các nội dung sau:

- Tính đến cuối năm 2024 cả nước có khoảng 161.992 lao động nước ngoài đang làm việc, trong đó: là 12.797 người không thuộc diện cấp giấy phép lao động, 149.195 người thuộc diện cấp giấy phép lao động (trong đó cấp mới giấy phép lao động cho 108.932 người, gia hạn cho 18.779 người, cấp lại cho 11.936 người và 9.548 người đang hoàn thiện các giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động).

- Lao động nước ngoài đến từ khoảng 110 quốc gia, trong đó quốc tịch Trung Quốc chiếm 30,9%, Hàn Quốc 18,3%, Đài Loan (Trung Quốc) 12,9%, Nhật Bản 9,5%; lao động từ các quốc gia khác chỉ chiếm 28,4%. Lao động nước ngoài là nam giới chiếm 83,1%; lao động có độ tuổi từ 30 trở lên chiếm 86% tổng số lao động nước ngoài.

Tồn tại, hạn chế: Bên cạnh một số kết quả đạt được, qua tổng hợp, đánh giá tình hình triển khai việc cấp giấy phép cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và kiến nghị của các Hiệp hội, doanh nghiệp, có một số tồn tại, hạn chế đòi hỏi sớm được sửa đổi, bổ sung, như:

Về giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài

Theo quy định tại khoản 1 Điều 152 của Bộ luật Lao động thì: “Doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân, nhà thầu chỉ được tuyển dụng người lao động nước ngoài vào làm vị trí công việc quản lý, điều hành, chuyên gia và lao động kỹ thuật mà người lao động Việt Nam chưa đáp ứng được theo nhu cầu sản xuất, kinh doanh”.

Nhìn chung, hệ thống các quy định pháp luật về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam được ban hành tương đối đầy đủ, đồng bộ đã góp phần quan trọng thu hút lao động nước ngoài, nhất là nguồn nhân lực có chuyên môn kỹ thuật cao, có kinh nghiệm trong quản lý điều hành, các nhà đầu tư vào Việt Nam làm việc, bù đắp thiếu hụt lao động trình độ cao cho Việt Nam.

Tuy vậy, trong bối cảnh Việt Nam đang thu hút các nhà đầu tư có năng lực, tài chính, các chuyên gia, người lao động có trình độ chuyên môn, tay nghề cao làm việc trong những ngành, nghề mới như công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số thì cần có những chính sách linh hoạt qua đó giảm thời gian cấp giấy phép lao động để đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Vì vậy, cần bổ sung các trường hợp nhà đầu tư, chuyên gia là nguồn nhân lực chất lượng cao của nước ngoài đang cần được thu hút thì người sử dụng lao động không phải thực hiện giải trình nhu cầu mà được đề nghị cấp giấy phép lao động hoặc xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

Về xác nhận điều kiện chuyên gia

Theo quy định hiện hành tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP, về cơ bản điều kiện xác nhận chuyên gia là “tốt nghiệp đại học trở lên hoặc tương đương và có ít nhất 3 năm kinh nghiệm làm việc” phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.

Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, công nghiệp hoá hiện đại hoá, Việt Nam đã và đang đẩy mạnh phát triển nhiều ngành công nghiệp mới có hàm lượng tri thức cao, xây dựng và thực hiện nhiều công trình, dự án trọng điểm quốc gia (đường sắt cao tốc Bắc Nam, các nhà máy điện hạt nhân...), các lĩnh vực mới (năng lượng xanh...), các ngành, nghề đặc thù đã và đang đặt ra yêu cầu trong việc sửa đổi các quy định về xác nhận chuyên gia nhằm thu hút nguồn nhân lực bên ngoài (các chuyên gia, nhà khoa học, lao động có trình độ tay nghề cao...) để phát triển đất nước.

Thực tế hiện nay có nhiều trường hợp làm việc trong các lĩnh vực mới như công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số hoặc các nước có quan hệ hữu nghị với Việt Nam (trường hợp sinh viên Lào đã tốt nghiệp ở Việt Nam)... mới chỉ có bằng đại học mà chưa có kinh nghiệm nên không đủ điều kiện làm việc tại Việt Nam. Do đó, cần bổ sung các trường hợp nêu trên đủ điều kiện là chuyên gia làm việc tại Việt Nam.

Nguyên nhân

- Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về lao động nước ngoài ở một số nơi còn chưa thường xuyên, liên tục, hình thức chưa phong phú, đa dạng; kinh phí dành cho công tác tuyên truyền còn thấp.

- Hệ thống thể chế, cơ chế chính sách chưa điều chỉnh đầy đủ các đối tượng lao động nước ngoài và hình thức làm việc.

- Dự báo về nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài chưa kịp thời, đầy đủ.

- Công tác phối hợp, chia sẻ, kết nối dữ liệu và thông tin về người nước ngoài và lao động nước ngoài giữa các cơ quan nhà nước chưa đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

- Ứng dụng công nghệ thông tin chưa đồng bộ trong toàn quốc, chưa triển khai số hóa trong quản lý lao động nước ngoài.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, việc xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thay thế nội dung quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam quy định tại Nghị định số 152/2020/NĐ-CP và Nghị định số 70/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam) là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

- Thể chế hoá chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong bối cảnh mới.

- Tạo điều kiện thông thoáng, thuận lợi, phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tiễn tình hình Việt Nam, đảm bảo đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, cũng như nhu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho Việt Nam thời gian tới.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tuyển dụng được lao động nước ngoài có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao và kinh nghiệm trong công việc vào các vị trí công việc mà người lao động Việt Nam không đáp ứng được phù hợp với thị trường lao động.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam; người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam nhằm kết hợp hài hoà giữa việc mở rộng nguồn nhân lực nước ngoài phát triển kinh tế đất nước với đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

- Thể chế hoá chủ trương, quan điểm của Đảng, nhất là Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Ban Bí thư về thu hút, quản lý và sử dụng hiệu quả lao động nước ngoài tại Việt Nam.

- Tạo điều kiện thuận lợi thu hút người lao động nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, đặc biệt là các chuyên gia, nhà khoa học có uy tín trong các lĩnh vực

vực khoa học, công nghệ cao, các lĩnh vực Việt Nam ưu tiên phát triển với tư duy rộng mở “biên giới phẳng” và nguyên tắc tháo gỡ tối đa các rào cản bảo đảm thuận lợi, hanh thông, giảm thiểu các thủ tục hành chính không cần thiết.

- Kế thừa, phát triển những quy định hiện hành phù hợp đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn, sửa đổi các quy định chưa phù hợp, bảo đảm tính khả thi, dài hạn, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; bổ sung những quy định mới phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và yêu cầu hội nhập quốc tế; đẩy mạnh cải cách hành chính, giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và cấp giấy phép lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, đảm bảo thống nhất từ Trung ương đến địa phương, có sự liên thông, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ đã thực hiện các hoạt động sau đây:

1. Gửi văn bản xin ý kiến của các Bộ, ngành Trung ương và địa phương¹. Đến ngày, Bộ Nội vụ đã nhận được ý kiến góp ý của Bộ, cơ quan ngang Bộ, các tổ chức ở Trung ương xin ý kiến; Ủy ban nhân dân, Sở Nội vụ; đơn vị trực thuộc (*chi tiết theo Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý*).

2. Đăng tải dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ², để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân.

3. Gửi dự thảo Nghị định để Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định³. Bộ Nội vụ đã nghiên cứu, tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo Nghị định theo ý kiến thẩm định tại Báo cáo sốngày..... của Bộ Tư pháp.

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động và giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo Điều 157 của Bộ luật Lao động và người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo các khoản 1, 2 và 9 Điều 154 của Bộ luật Lao động.

b) Đối tượng áp dụng

Người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam.

¹ Công văn số

² Công văn số

³ Công văn số

- Người sử dụng người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam là người sử dụng lao động là doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, nhà thầu và cá nhân được phép hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Bộ cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam bao gồm 34 Điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Điều kiện đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

Điều 4. Thẩm quyền cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động và xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động

Điều 5. Hợp pháp hóa lãnh sự và chứng thực các giấy tờ

Điều 6. Quy định về giao dịch điện tử trong cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép lao động và xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động

Điều 7. Người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động

Điều 8. Hồ sơ đề nghị xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động

Điều 9. Trình tự, thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động

Điều 10. Thời hạn giấy xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động

Điều 11. Các trường hợp cấp lại giấy xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động

Điều 12. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động

Điều 13. Trình tự cấp lại giấy xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động

Điều 14. Thời hạn của giấy xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động được cấp lại

Điều 15. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động

Điều 16. Trình tự gia hạn giấy xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động

Điều 17. Thời hạn của giấy xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động được gia hạn

Điều 18. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động

Điều 19. Trường hợp là chuyên gia đối với các ngành, nghề đặc thù

Điều 20. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động đối với một số trường hợp đặc biệt

Điều 21. Thời hạn của giấy phép lao động

Điều 22. Trình tự cấp giấy phép lao động

Điều 23. Các trường hợp cấp lại giấy phép lao động

Điều 24. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép lao động

Điều 25. Trình tự cấp lại giấy phép lao động

Điều 26. Thời hạn của giấy phép lao động được cấp lại

Điều 27. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép lao động

Điều 28. Trình tự gia hạn giấy phép lao động

Điều 29. Thời hạn của giấy phép lao động được gia hạn

Điều 30. Các trường hợp bị thu hồi giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động

Điều 31. Trình tự thu hồi giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động

Điều 32. Quy định chuyển tiếp

Điều 33. Hiệu lực thi hành

Điều 34. Trách nhiệm thi hành

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

3.1. Những quy định chung

Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, về chứng thực và hợp pháp hóa lãnh sự, chứng thực các giấy tờ, thẩm quyền cấp giấy phép lao động.

3.2. Về lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động

Quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ, thời hạn và các trường hợp cấp, cấp lại và gia hạn xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

3.3. Về cấp giấy phép lao động

Quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ, thời hạn và các trường hợp cấp, cấp lại và gia hạn giấy phép lao động trong đó có các trường hợp đặc thù được Bộ, ngành xác nhận.

3.4. Về thu hồi giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động

Quy định về trình tự và các trường hợp thu hồi các trường hợp bị thu hồi giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

4. Nội dung thay đổi so với Nghị định số 152/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP

4.1. Giảm thời gian cấp giấy phép

Sửa đổi quy định theo hướng hướng lồng ghép thủ tục báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài vào thủ tục nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động. Theo phương án này, dự kiến tối đa giảm thời gian cấp giấy phép lao động từ 36 ngày theo lịch còn 10 ngày theo lịch nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động.

4.2. Về giấy khám sức khỏe

Sửa đổi theo hướng quy định giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe do cơ quan, tổ chức y tế có thẩm quyền của nước ngoài hoặc của Việt Nam cấp có giá trị trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày ban hành đến ngày nộp hồ sơ. Trường hợp giấy khám sức khỏe do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp phải đảm bảo không mắc các bệnh truyền nhiễm có nguy cơ lây lan ra cộng đồng theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

4.3. Về phiếu lý lịch tư pháp

Hiện nay dự thảo Nghị định chia theo 02 nhóm đối tượng đối với nhà quản lý, nhà đầu tư, chuyên gia vào để xử lý các tình huống khẩn cấp chỉ báo cáo với cơ quan có thẩm quyền nơi người lao động nước ngoài dự kiến làm việc trước 3 ngày mà không phải làm bất cứ thủ tục cấp giấy phép lao động hoặc xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động (trong đó không phải xin phiếu lý lịch tư pháp).

Đối với các trường hợp xin xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động thì không phải xin lý lịch tư pháp và dự thảo bổ sung thêm các trường hợp được xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động cụ thể: Được các Bộ, cơ quan ngang Bộ xác nhận vào Việt Nam làm việc trong các lĩnh vực: tài chính, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và lĩnh vực ưu tiên phát triển.

4.4. Về việc xác nhận điều kiện chuyên gia theo hướng đơn giản, thuận lợi

Sửa đổi quy định về điều kiện chuyên gia theo hướng: (1) bổ sung một số trường hợp chỉ tốt nghiệp đại học cũng đủ điều kiện làm việc tại Việt Nam trong lĩnh vực tài chính, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, lĩnh vực Việt Nam ưu tiên phát triển hoặc theo thỏa thuận hợp tác của chính phủ Việt Nam; (2) các trường hợp đặc thù như chuyên gia trong lĩnh vực tài chính, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và lĩnh vực ưu tiên phát triển; giảng viên... được các Bộ chuyên ngành xác nhận (Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo...) xác nhận được công nhận là chuyên gia và được xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

4.5. Thực hiện phân cấp về thẩm quyền cấp giấy phép

Hiện nay, Bộ Nội vụ thực hiện triệt để việc phân cấp và chỉ thực hiện các thủ tục hành chính cho (i) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ cho phép thành lập và các cơ quan đối ngoại của trung ương (như Văn phòng Nguyên Thủ

tướng Anh Tony Blair; Các tổ chức do Liên hợp quốc thành lập) để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ đối đẳng và các đơn vị do trung ương thành lập thì do Bộ Nội vụ cấp giấy phép lao động; (ii) Người lao động nước ngoài làm việc cho một người sử dụng lao động tại nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; (iii) Trường hợp người sử dụng lao động có trụ sở chính tại một tỉnh, thành phố nhưng có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại tỉnh, thành phố khác thì thêm phương án lựa chọn giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ Nội vụ (nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người sử dụng lao động có thêm phương án lựa chọn).

Thực hiện phân cấp, phân quyền triệt để theo hướng người lao động nước ngoài thuộc thẩm quyền cấp giấy phép lao động, xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động của Bộ Nội vụ trước đây được lựa chọn giải quyết TTHC tại Bộ Nội vụ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh. Theo đó, đối với trường hợp người lao động nước ngoài làm tại tỉnh, thành phố thì thực hiện các thủ tục hành chính tại địa phương. Trường hợp người lao động nước ngoài làm việc cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thành lập được lựa chọn nộp hồ sơ cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động và xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động tại Bộ Nội vụ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh.

4.6. Về xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động

Bổ sung các thủ tục hành chính về cấp lại, gia hạn và thu hồi xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động để phù hợp với quy định tại Điều 157 của Bộ luật Lao động giao Chính phủ hướng dẫn và phù hợp với thực tế các trường hợp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động bị hỏng, bị mất hoặc hết hạn nhưng không được nộp cấp lại hoặc gia hạn mà phải nộp cấp mới xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

4.6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và cấp giấy phép lao động nước ngoài

Thực hiện cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam qua mạng điện tử và xây dựng cơ sở dữ liệu người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam thống nhất từ trung ương đến địa phương và kết nối với các cơ sở dữ liệu hành chính về công dân nước ngoài vào Việt Nam.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI HỒ SƠ CHÍNH SÁCH GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THỰC HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH BÀN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực

Nội dung Nghị định về cơ bản kế thừa các quy định có tính ổn định, đã được thực tế kiểm nghiệm tại Nghị định số 152/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP. Những quy định trong Nghị định về cơ bản không làm phát sinh thêm các yêu cầu phải đáp ứng nguồn lực về tài chính

và nhân lực, mà chỉ cần sử dụng nguồn lực, bộ máy tổ chức hiện có tại cơ quan có thẩm quyền.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định bao gồm:

- Tuyên truyền, phổ biến: Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền các nội dung cơ bản của Nghị định đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện;

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện: Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành Nghị định.

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

Bộ Nội vụ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Hồ sơ gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến tham định của Bộ Tư pháp; (3) Báo cáo tham định của Bộ Tư pháp; (4) Báo cáo tổng kết thi hành Nghị định 152/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan; (5) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; (6) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội./.)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, CVL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Văn Thanh